

Bản án số: 670/2022/HS-PT

Ngày: 14 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 329/2022/TLPT- HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Võ Minh B. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 167/2022/HS-ST ngày 20-4-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ tên: Võ Minh B; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1979 Tại: Long An; Nơi cư trú: B6/92 ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên nhân viên xuất nhập khẩu Công ty T; Con ông: Võ Phước M; Con bà: Lê Thị T1; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc T2; Con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

(Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên TF, Việt Nam (viết tắt là Công ty T), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số: 1101649459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 24/8/2012, người đại diện theo pháp luật: ông Tung Wai M, sinh ngày 24/10/1965, quốc tịch: Trung Quốc, vốn điều lệ: 69.599.300.000 đồng, ngành nghề kinh doanh: sản xuất và gia công sản phẩm may mặc để xuất khẩu và tiêu thụ tại thị trường trong nước; địa chỉ: Lô A2, đường số 2, Khu công nghiệp Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Long An.

Ngày 11/01/2019, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 20/QĐ-HQHCM về việc kiểm tra báo cáo quyết toán xuất - nhập - tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu theo loại hình gia công năm 2017 tại Công ty T. Kết quả phát hiện: Công ty T vi phạm quy định về quản lý nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ kế toán, sổ kế toán, hồ sơ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa thuộc tờ khai hải quan số 101677134900/E21, ngày 27/10/2017 và số 101716091150/E21, ngày 17/11/2017; trị giá tính thuế là 2.925.019.999 đồng, chênh lệch số tiền thuế phải nộp theo ấn định thuế là: 678.604.640 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, ông Chin Chi Man (là người được ủy quyền bởi ông Tung Wai M, đại diện theo pháp luật Công ty T) khai: Ông Chin Chi M1 làm việc tại Công ty T từ ngày 31/3/2016, chức danh là Tổng quản lý và điều hành mọi hoạt động của công ty theo chính sách, chịu sự chỉ đạo và phê duyệt của tổng công ty. Qua kiểm tra chứng từ, đối chiếu dữ liệu kho, xe ra vào công ty, sổ sách kế toán, Công ty T không tiến hành nhập khẩu, không thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan đến việc nhập khẩu 03 lô hàng hóa theo 03 tờ khai hải quan số 101677134900/E21 ngày 27/10/2017, số 101716091150/E21 ngày 17/11/2017 và số 10209037441/E21 ngày 02/7/2018, tổng trị giá hàng hóa theo khai báo là: 4.233.313.515 đồng, số tiền thuế phải nộp theo ấn định thuế là: 982.128.736 đồng. Theo yêu cầu của Cơ quan Hải quan, Công ty T đã tự nguyện nộp đủ số tiền thuế trên cho Nhà nước,

Tại thời điểm xảy ra vụ việc, quy trình hoạt động của bộ phận xuất nhập khẩu Công ty T được phân công như sau:

- Võ Minh B, nhân viên xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm khai báo hải quan trên phần mềm Ecus, làm việc trực tiếp với Cơ quan Hải quan khi có yêu cầu, giao dịch với các đại lý hãng tàu để lấy lệnh giao hàng, vận đơn sau đó thanh lý nhận hàng giao về công ty.

- Bà Nguyễn Thị Hồng V, nhân viên xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm nhận thông tin hàng hóa từ người gửi hàng, nhận thông báo hàng đến từ đại lý hãng tàu, chuyển thông tin cho Võ Minh B tiến hành khai báo trên phần mềm Ecus và làm C/O.

- Bà Nguyễn Thị Bích H – Kế toán trưởng đồng thời quan sát và hỗ trợ bộ phận xuất nhập khẩu,

Về Quy trình khai báo hải quan hàng nhập khẩu, công ty thiết lập như sau: Công ty T mua 02 bản quyền phần mềm Ecus của Công ty Trách nhiệm hữu hạn phát triển công nghệ TS, được nhân viên của công ty trực tiếp cài đặt 1 bản quyền phần mềm tại máy tính của công ty và 01 bản quyền được cài đặt vào máy vi tính xách tay cá nhân Võ Minh B (theo B đề xuất, do luôn phải làm việc ngoài công ty, cần sử dụng để khai báo kịp thời). Token được bà H giao cho Võ Minh B sử dụng và được cắm vào 1 máy tính chuyên dụng có cài đặt 01 phần mềm ECUS đặt tại phòng kế toán của Công ty T để làm thủ tục khai báo xuất nhập khẩu. Mật khẩu máy tính này chỉ có H, chị L1, chị V, Võ Minh B và nhân viên IT là Nguyễn Hoàng Ngân K biết. Mật khẩu Token tại thời điểm mở 3 tờ khai nêu trên được lưu lại trên máy tính, nếu nhân viên đang làm việc bên ngoài vẫn có thể truy cập vào máy tính của công ty để thực hiện thủ tục khai báo hải quan bằng phần mềm TeamViewer. Công ty chỉ có Võ Minh B sử dụng TeamViewer để truy cập vào từ máy tính cá nhân để khai báo thủ tục xuất nhập khẩu.

+ Công ty T giao cho B quyền Giấy giới thiệu chưa ghi nội dung đã được đóng dấu của công ty (theo đề xuất của Võ Minh B) để B thuận tiện khi làm thủ tục hải quan và tự quản lý.

+ Thực tế, trước khi Võ Minh B làm thủ tục khai báo hải quan hàng hoá nhập khẩu, bà Nguyễn Thị Hồng Vân nhận chứng từ hàng nhập từ người gửi chứng từ và thông báo hàng đến từ đại lý hãng tàu; kiểm tra bộ chứng từ đã đầy đủ; chuyển bộ chứng từ này cho Võ Minh B thực hiện lập tờ khai trên phần mềm Ecus, sau đó gửi lại tờ khai nháp cho bà Vân kiểm tra. Sau khi bà Vân xác nhận, B sẽ tiến hành truyền tờ khai bằng chữ ký điện tử Token và gửi tờ khai cùng mã vạch cho bà V. Khi hàng về tới công ty, bà V gửi toàn bộ chứng từ liên quan đến bộ phận kho để tiến hành nhập kho, trường hợp có sai sót bộ phận kho sẽ phản hồi lại. Võ Minh B liên hệ bộ phận kế toán để ứng tiền, đến đại lý hãng tàu thanh toán các chi phí liên quan đến lô hàng sau đó nhận lệnh giao hàng từ đại lý hãng tàu; liên hệ dịch vụ xe đến cảng để thanh lý và nhận hàng giao về công ty.

Tại Cơ quan điều tra, Võ Minh B, thừa nhận phù hợp với nội dung do đại diện Công ty T đã trình bày nêu trên. Ngoài ra, Võ Minh B khai nhận: Tháng 7/2017, Võ Minh B có đơn, kèm theo hồ sơ cá nhân (hộ khẩu, bằng cấp, chứng chỉ...) nộp xin và đã được Công ty T tiếp nhận, ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm (từ tháng 9/2017 đến tháng 9/2018), được hưởng mức lương khoảng 12.000.000 đồng.

Trong thời gian Võ Minh B được giao phụ trách làm thủ tục xuất, nhập khẩu hàng hóa cho Công ty T. Công việc cụ thể là ra cảng làm C/O (nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa), mở tờ khai hải quan khai báo hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu cho Công ty T. Tháng 10/2017, có -1 người phụ nữ chủ động gọi điện thoại vào

số 0949568999 của B để nhờ nhập hàng hóa (vải các loại) từ nước ngoài về Việt Nam, theo thỏa thuận B được người này trả công 5.000.000 đồng/một container hàng. Do cần tiền và biết có thể lợi dụng sơ hở của Công ty T trong việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, được quyền truy cập vào phần mềm Team Viewer để truy cập vào phần mềm ECUS và chữ ký số (Token), nên B đã nhận lời, đồng thời sử dụng pháp nhân Công ty T (công ty này là đơn - vị thường xuyên nhập vải các loại về gia công, hàng hóa nhập khẩu về thường được phân luồng xanh, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa ... và không phải đóng thuế nhập khẩu thuế VAT nhập khẩu) làm đơn vị đứng tên nhập khẩu hàng hóa (vải các loại) về cho người phụ nữ này. Ngày 27/10/2017, Võ Minh B đã mở tờ khai hải quan số 101677134900/E21 khai tên đơn vị xuất khẩu là Công ty T INTERNATIONAL LIMITED, địa chỉ: 12/F T BUILDING, 203 WAI YIP STREET, KWUN TONG, KWONLOON, HONG KONG và đơn vị nhập khẩu là Công ty TNHH MTV T Fashions (Việt Nam), địa chỉ: Lô A2, đường số 2, khu công nghiệp Thuận Đạo, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Sau khi có thông tin công ty xuất, công ty nhập khẩu nêu trên, với một số tài liệu (Bill tàu, Invoice, Packing list) do người phụ nữ đưa; Võ Minh B vào tiệm Internet gần Chi cục Hải quan Cảng Khu vực 1, Quận 2, sử dụng máy vi tính xách tay cá nhân của B để kết nối mạng Wifi, vào phần mềm Teamviewer để kết nối với máy vi tính của công ty đang được gắn Token. Sau đó đăng nhập vào phần mềm Ecus để thực hiện khai báo các thông tin theo mẫu tờ khai hải quan điện tử; khai báo xong thực hiện bấm truyền tờ khai hải quan điện tử. Hệ thống điện tử Hải quan có kết quả phản hồi vào trong phần mềm Ecus thể hiện đã phân luồng hàng hóa (hàng hóa được phân luồng xanh, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa), trên cơ sở đó B bấm in tờ khai hải quan ra và giao cho người phụ nữ đó toàn bộ hồ sơ, đồng thời nhận 5.000.000 đồng/bộ tờ khai. Các công việc sau khi khai báo (lấy lệnh, lấy hàng ra khỏi cảng...) do phía người phụ nữ thực hiện.

Tương tự, ngày 17/11/2017 và ngày 02/7/2018, Võ Minh B tiếp tục được người phụ nữ đã nhờ mở tờ khai hải quan nhập khẩu trước đó thuê mở thêm 02 lần, theo 02 tờ khai hải quan số 10209037441/E21 và số 102090374410 nhập khẩu hàng hóa là vải các loại, được hưởng mỗi lô 5.000.000 đồng. Sau mỗi lần thực hiện xong thủ tục nhập khẩu thì người phụ nữ thanh toán tiền cho B đầy đủ bằng tiền mặt và giao lại toàn bộ hồ sơ nhập khẩu.

Công ty T không biết việc Võ Minh B thực hiện khai báo 03 tờ khai trên, máy tính được cài phần mềm khai báo hải quan điện tử (ECUS5VNACCS) và Token của Công ty T luôn mở sẵn, Võ Minh B chỉ dùng phần mềm Teamviewer (phần mềm khai báo từ xa) đăng nhập vào máy tính tại công ty và thực hiện truyền tờ khai. B không thông tin và trong Công ty T cũng không ai biết việc Võ Minh B mở 03 tờ khai hải quan số 101677134900/E21 ngày 27/10/2017, số 101716091150/E21 ngày 17/11/2017 và số 10209037441/E21 ngày 02/7/2018.

Nhận thức được việc làm vi phạm nêu trên, ngày 13/11/2020 Võ Minh B đã nộp số tiền hưởng lợi 15.000.000 đồng nói trên vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

- Qua làm việc với ông Phạm Đình G - Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH phát triển công nghệ TS, để kiểm tra dữ liệu của phần mềm Ecus do Công ty TNHH phát triển công nghệ TS cung cấp, được cài đặt trên máy tính Dell Optimex 7010 của Công ty T. Qua kiểm tra dữ liệu được lưu trên máy tính nhận thấy không tìm thấy dữ liệu có liên quan đến việc khai báo hải quan của 03 tờ khai hải quan nêu trên, ông Phạm Đình G cho biết Công ty TNHH phát triển công nghệ TS có ký hợp đồng bán và cài đặt phần mềm Ecus trên 02 máy tính cho Công ty T (phù hợp với trình bày của đại diện Công ty T và lời khai của Võ Minh B).

Đối với trường hợp cá nhân thực hiện việc mở tờ khai hải quan điện tử khai báo từ xa và dữ liệu không được lưu vào máy có gắn Token, thì: (1) Trước hết cá nhân đó phải có mật khẩu (password) của chữ ký số (Token), của phần mềm Ecus5vnaccs, thông tin tài khoản khai báo trên hệ thống khai báo hải quan điện tử (Ecus5vnaccs); (2) Người khai sử dụng máy tính của họ mở phần mềm truy cập từ xa (Teamviewer) truy cập vào máy có gắn chữ ký số, mở phần mềm duyệt ký, nhập password chữ ký số, nhập username, mật khẩu tài khoản và mật khẩu bí mật trình ký; (3) Tại máy tính không có gắn chữ ký số, có phần mềm khai báo Ecus5vnaccs: mở phần mềm, đăng nhập vào phần mềm, chọn trình ký và nhập các thông tin tài khoản trình ký (username, mật khẩu tài khoản, mật khẩu bí mật), mở tờ khai cần khai và khai báo. Tờ khai cần ký số sẽ được gửi lên server trình ký của TS; (4) Tại máy tính có gắn chữ ký số, người khai vào tính năng duyệt ký, lấy tờ khai cần ký số trên server trình ký về, tiến hành ký và gửi lại cho người khai. Lúc này các thông tin liên quan đến tờ khai sẽ được lưu tại máy tính có phần mềm khai báo, dữ liệu khai báo qua tính năng trình ký sẽ không lưu giữ tại máy tính có gắn chữ ký số (Token).

Tại Cơ quan điều tra, Võ Văn V1 là người điều xe chở hàng Container tại cảng Cát Lái, khai: Ngày 27/10/2017, anh Vũ số điện thoại: 0922.727.579, bộ phận xuất nhập khẩu của công ty Phúc G, người quản lý là chị D số điện thoại: 0938.536.611, thuê V1 chở Container số TGHU6047810 từ cảng Cát Lái đến kho số 2 Thắng Lợi, khu công nghiệp Tân Bình với giá 2.600.000 đồng, V1 lại thuê lại anh B1 với giá 2.500.000 đồng. Việc anh B1 điều tài xế nào thì Võ Văn V1 không rõ, hàng hóa bên trong anh V2 nói là hàng nguyên liệu may mặc, thực hiện vận chuyển không có hợp đồng hoặc văn bản, giấy tờ gì.

Tương tự, ngày 18/11/2017, sau khi nhận vận chuyển hàng của anh V2, chị D - Công ty Phúc G đối với Container số TCNU8235558 từ cảng Cát Lái đến kho số 727 C, Tân Bình với giá 2.600.000 đồng, Võ Văn V thuê lại anh Nguyễn Dương C với giá 2.500.000 đồng.

Tuy nhiên, sau đó Võ Văn V1 đã thay đổi lời khai khi không thừa nhận được anh V2 thuê chở số hàng hóa trong 02 cont nói trên cho Công ty Phúc G, cũng không thừa nhận đã thuê anh B1 và anh C vận chuyển hàng hóa nguyên liệu may mặc trong 02 cont nói trên từ cảng Cát Lái về kho của Công ty Phúc G.

Xác minh tại Cục Thuế tỉnh Long An: Công ty T, mã số thuế: 1101649459, người đại diện theo pháp luật: ông Tung Wai M, địa chỉ trụ sở công ty: Lô A2, đường số 2, khu công nghiệp Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Long An. Công ty đang thực hiện nghĩa vụ thuế tại Cục thuế tỉnh Long An. Từ khi thành lập đến khi phát hiện các sai phạm trên thì công ty chưa từng bị xử phạt hành chính.

Ngày 27/8/2020, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận số 5532/KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa theo 02 tờ khai số 101677134900/E21, ngày 27/10/2017 và số 101716091150/E21, ngày 17/11/2017 là 2.925.020.003 đồng.

Ngày 24/9/2020, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục có kết luận số 6152/KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa theo tờ khai số 10209037441/E21, ngày 02/7/2018 là 1.308.293.516 đồng. Tổng trị giá 4.233.313.519 đồng.

Vật chứng tạm giữ: Cơ quan điều tra đã thu giữ 15.000.000 đồng do Võ Minh B tự nguyện nộp lại khoản tiền hưởng lợi bất chính vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra ngày 13/11/2020.

Tại Bản cáo trạng số 578/CT-VKS-P3, ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Võ Minh B về tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới”, theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 167/2022/HS-ST ngày 20-4-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Minh B 05 (năm) năm tù, về tội “*Vận chuyển hàng hoá trái phép qua biên giới*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2022, bị cáo Võ Minh B có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý mức án của bản án sơ thẩm và yêu cầu xem xét xử lý chủ số hàng được vận chuyển.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Võ Minh B thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo không phải là chủ của hàng hóa được vận chuyển qua

biên giới, không phải là người chủ mưu trong việc vận chuyển số hàng này, mà chỉ nhận tiền công 15.000.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có cha mẹ lớn tuổi, con nhỏ. Ngoài ra, yêu cầu xem xét xử lý đối với chủ của số hàng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Minh B 05 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với kháng cáo yêu cầu xử lý chủ số hàng vận chuyển, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã áp dụng các biện pháp cần thiết để làm rõ ai là chủ số hàng này nhưng không xác định được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Minh B đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Võ Minh B là nhân viên Công ty T, được giao phụ trách làm thủ tục xuất, nhập khẩu hàng hóa cho Công ty. Bị cáo biết Công ty T là đơn vị nhập khẩu hàng hóa là vải các loại và phụ kiện may mặc từ nước ngoài về Việt Nam, để gia công may mặc xuất khẩu, không phải đóng thuế nhập khẩu; là đơn vị thực hiện khai báo nhập khẩu hàng hóa thường được hệ thống hải quan phân luồng xanh, chỉ kiểm tra trên hồ sơ khai báo, không kiểm tra thực tế hàng hóa. Từ đó, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của Công ty T trong việc quản lý chữ ký số (Token), giấy giới thiệu; lợi dụng việc chỉ bị cáo là người có đầy đủ các mật khẩu (password) để truy cập vào phần mềm khai báo hải quan điện tử (Ecus5vnaccs), phần mềm khai báo từ xa (Teamviewer) để thực hiện mở tờ khai khai hải quan cho đối tượng đã thuê bị cáo làm thủ tục nhập khẩu vải nhằm hưởng lợi. Cụ thể,

trong năm 2017 và năm 2018, Võ Minh B đã mở 03 tờ khai hải quan số 101677134900/E21 ngày 27/10/2017, số 101716091150/E21 ngày 17/11/2017 và số 10209037441/E21 ngày 02/7/2018, cho một người phụ nữ mà B không quen biết, không có thông tin cá nhân, để nhận mỗi cont 5.000.000 đồng, tổng cộng là: 15.000.000 đồng. Ngay sau khi được thông quan, hàng hóa được chuyển đi trong ngày nhằm tránh bị phát hiện.

[2.2] Tổng trị giá hàng hóa theo 03 tờ khai hải quan nêu trên theo kết luận của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố là: 4.233.313.515 đồng; số tiền thuế nhập khẩu phải nộp theo ấn định thuế là: 982.128.736 đồng.

[2.3] Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Minh B phạm tội “Vận chuyển hàng hoá trái phép qua biên giới” theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Minh B.

[4.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 03 lần, trị giá hàng hóa của mỗi lần phạm tội đều trên 100.000.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa của 03 lần vận chuyển là rất lớn (trên 4 tỷ đồng). Tuy nhiên, khi lượng hình, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo 05 năm tù, bằng mức khởi điểm của khung hình phạt tù tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự là nhẹ và có lợi cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của bị cáo.

[4.2] Về kháng cáo yêu cầu xem xét xử lý đối với chủ hàng.

Hồ sơ vụ án thể hiện, Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Tổng Cục trưởng Tổng Cục đường bộ Việt Nam cung cấp định vị GPS đối với các phương tiện vận chuyển hàng từ cảng Cát Lái về kho (bút lục 114), nhưng không nhận được kết quả; có công văn gửi các nhà mạng đề nghị cung cấp danh sách các số điện thoại của Võ Minh B, Võ Văn V1, Nguyễn Hoàng V2, đối tượng D và lái xe container là các đối tượng có liên quan để truy tìm lại những ai đã giao dịch, liên hệ qua điện thoại trong các ngày mở các tờ khai, vận chuyển hàng từ cảng Cát Lái về kho (bút lục 96, 101, 104, 109, 117-120), tuy nhiên, chỉ có nhà mạng Mobiphone cung cấp danh sách các số điện thoại liên quan nhưng không đúng

theo yêu cầu. Ngày 26/9/2019, Cơ quan điều tra có công văn số 9268 (bút lục 49) gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an (C01) phối hợp xác minh thông qua đại diện Cảnh sát Hong Kong các vấn đề liên quan đến việc xuất khẩu các lô hàng vận chuyển nhằm làm rõ ai là chủ hàng nhưng cũng không có kết quả.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã 02 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung (theo các Quyết định số 99/2021/HSST-QĐ ngày 07/5/2021 và số 387/2021/HSST-QĐ ngày 23/9/2021) để làm rõ ai là người làm thủ tục nhận các phiếu xuất/nhập bãi các Container số TGHU6047810 và Container số TCNU8235558 vào các ngày 27/10/2017 và 18/11/2017 từ Cảng Cát Lái để giao lại cho ông Nguyễn Tấn P và ông Nguyễn Văn N; Điều tra làm rõ Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Phúc G có hay không các kho hàng tại địa chỉ 727 C và Khu công nghiệp Tân Bình vào thời điểm xảy ra vụ án; Điều tra làm rõ Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Phúc G có phải là chủ của số hàng đã vận chuyển trái phép qua biên giới hay không. Tuy nhiên, do không thể làm rõ được những vấn đề trên, nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có các Văn bản số 81/VKS-P3 ngày 19/5/2021 và số 161/VKS-P3 ngày 08/10/2021 giữ nguyên quan điểm truy tố.

Do vậy, Cơ quan Điều tra đã có Quyết định tách vụ án “Buôn lậu” để điều tra làm rõ trách nhiệm của đối tượng là chủ hàng trong một vụ án khác.

Ngoài ra, như phân tích tại mục [2.3], đã có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, việc xác định chủ hàng và giải quyết trách nhiệm hình sự của đối tượng này không làm thay đổi bản chất hành vi phạm tội và không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo B.

Vì vậy, kháng cáo nêu trên của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Ngoài ra, về lý lịch của bị cáo, theo lý lịch bị can (BL 41) và phần thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, có cơ sở xác định bị cáo Võ Minh B có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tại phần lý lịch của bị cáo lại ghi bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2007, là chưa đúng nên cần sửa lại cho đúng với lý lịch tư pháp của bị cáo.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Võ Minh B phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Minh B. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 167/2022/HS-ST ngày 20-4-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Căn cứ khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Minh B 05 (năm) năm tù, về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Võ Minh B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (2)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Long An; (1)
- Cục THA DS Thành phố Hồ Chí Minh (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND xã A, huyện T, Long An; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP (5)16b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Nhựt Bình